TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày:11/6/2025
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂNQUẬN H - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lài**

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà **Bùi Thị Bích Vân**

- Bà **Nguyễn Anh Thư**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Hoàng Thị Bích Huệ** – Thư ký Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Tư** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 158/2025/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24 ngày 23/5/2025, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1984 *(Có mặt)*.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 22, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Xóm Chùa, thôn Đ, phường H1, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh **Nguyễn Tôn C**, sinh năm 1982 *(Vắng mặt)*.

Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Tổ 22 (Số 15, ngõ 100 phố Tân Khai), phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Nguyễn Tôn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 25/4/2003 tại UBND xã V1, huyện T (nay là phường V, quận H), thành phố Hà Nội. Đây là lần kết hôn thứ nhất, trước đó chưa ai kết hôn lần nào.

Quá trình anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về tính cách và quan điểm sống. Ngoài ra, chị T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh C vẫn chơi bời và sử dụng ma túy. Chị đã mua thuốc về để anh C tự cai nghiện tại nhà nhưng anh C vẫn không từ bỏ mà vẫn tiếp tục sử dụng ma túy. Năm 2024, chị đã làm đơn xin ly hôn với anh C tại Tòa án nhân dân quận H. Sau khi được Tòa án hòa giải, anh C hứa sẽ không sử dụng ma túy và lo làm ăn, do đó, chị đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, sau khi chị rút đơn ly hôn về, anh C thay đổi và bỏ sử dụng ma túy được khoảng 10 ngày thì lại tiếp tục sử dụng ma túy. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh C vẫn không từ bỏ được ma túy. Do không ở được cùng anh C nữa, chị đã về nhà bố mẹ ở tại xóm Chùa, thôn Đ, phường H1, huyện V, tỉnh Bắc Giang ở từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai.

Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh V để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị xác nhận chị và anh V có 03 con chung là Nguyễn Vũ Diệu M, sinh ngày 23/8/2005; Nguyễn Tôn D, sinh ngày 22/6/2010 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 25/12/2011. Hiện nay sức khỏe 03 con chung bình thường. Khi ly hôn, cháu Diệu M đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin được nuôi con chung là cháu Tôn D và cháu Gia B, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị xác nhận chị và anh C không có, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác nhận chị và anh C không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí giải quyết vụ án ly hôn: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân gia đình.

Bị đơn là anh Nguyễn Tôn C: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C đã được Tòa án triệu tập và tiến hành tống đạt các văn bản hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy, Tòa án không lấy lời khai của anh C được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Anh C vắng mặt tại phiên tòa, chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị T xác nhận chị và anh C có ba con chung là cháu Nguyễn Vũ Diệu M, sinh ngày 23/8/2005; Nguyễn Tôn D, sinh ngày 22/6/2010 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 25/12/2011. Khi ly hôn, cháu Diệu M đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T xin được nuôi con chung là cháu Tôn D và cháu Gia B, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị T xác nhận chị và anh C không có, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T xác nhận chị và anh C không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí giải quyết vụ án ly hôn: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân gia đình.

**** Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận H có quan điểm:***

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân quận H thụ lý đơn xin ly hôn của chị Vũ Thị T đối với anh Nguyễn Tôn C là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và thư ký đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án và không tham gia phiên toà mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, bị đơn đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH quy định về án phí năm 2016:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Tôn C. Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Tôn C.

Về con chung: Giao con chung là cháu Tôn D và cháu Gia B cho chị Vũ Thị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các bên có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản): Chị T xác nhận không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị T xác nhận không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị T có đơn xin ly hôn đối với anh Nguyễn Tôn C, nơi ở hiện nay tại số 15, ngõ 100 phố Tân Khai, tổ 22, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết, Toà án nhân dân quận H đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nguyễn Tôn C, tuy nhiên sau khi nhận được các văn bản tố tụng anh Chung không đến Tòa trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Thúy và các buổi làm việc anh Chung đều vắng mặt không có lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Vì vậy Tòa án nhân dân quận H ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 23/5/2025, anh Chung vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233, khoản 2 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và ấn định phiên toà được mở vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 11/6/2025. Tại phiên toà hôm nay, anh C vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T với anh Nguyễn Tôn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 25/4/2003 tại UBND xã V1, huyện T (nay là phường V, quận H), thành phố Hà Nội. Đây là lần kết hôn thứ nhất, trước đó chưa ai kết hôn lần nào.

Quá trình anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về tính cách và quan điểm sống. Ngoài ra, chị T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh C vẫn chơi bời và sử dụng ma túy. Chị T đã mua thuốc về để anh C tự cai nghiện ở nhà nhưng anh C vẫn không từ bỏ và tiếp tục sử dụng ma túy. Năm 2024, chị T đã làm đơn xin ly hôn với anh C tại Tòa án nhân dân quận H. Sau khi được Tòa án hòa giải, anh C hứa sẽ không sử dụng ma túy và lo làm ăn, do đó, chị T đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, sau khi chị T rút đơn ly hôn về, anh C thay đổi và bỏ sử dụng ma túy được khoảng 10 ngày thì lại tiếp tục sử dụng ma túy. Chị T đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh C vẫn không từ bỏ được ma túy. Do không ở được cùng anh C nữa, chị T đã về nhà bố mẹ ở tại xóm Chùa, thôn Đ, phường H1, huyện V, tỉnh Bắc Giang từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Tôn C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị T xin ly hôn anh C là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh C là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị T xác nhận chị và anh C có ba con chung là Nguyễn Vũ Diệu M, sinh ngày 23/8/2005; Nguyễn Tôn D, sinh ngày 22/6/2010 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 25/12/2011. Hiện nay sức khỏe ba con chung bình thường. Khi ly hôn, cháu Diệu M đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị T xin được nuôi con chung là cháu Tôn D và cháu Gia B. Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi hai con chung. Xét thấy, cháu Nguyễn Tôn D và Nguyễn Tôn Gia B có đơn trình bày ý kiến với nguyện vọng được ở với mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C không đến Tòa cũng không trình bày mong muốn được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung sau khi ly hôn cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Tôn D, sinh ngày 22/06/2010 và cháu Nguyễn Tôn Gia B, sinh ngày 25/12/2011 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi hai con chung đối với anh C.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị T xác nhận chị và anh C không có, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị T xác nhận chị và anh C không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Vũ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T. Chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Tôn C.

2. Về con chung: Xác nhận chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Tôn C có ba con chung là cháu Nguyễn Vũ Diệu M, sinh ngày 23/8/2005; Nguyễn Tôn D, sinh ngày 22/6/2010 và Nguyễn Tôn Gia B, sinh ngày 25/12/2011. Cháu M đã trưởng thành và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, khi ly hôn chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Giao con chung là cháu Nguyễn Tôn D và cháu Nguyễn Tôn Gia B cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ ngày xét xử cho đến hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Tôn C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vũ Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Tôn C cấp dưỡng nuôi hai con chung, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi hai con chung đối với anh C cho đến khi các bên có đơn yêu cầu hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị Vũ Thị T xác nhận chị và anh Nguyễn Tôn C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Vũ Thị T xác nhận chị và anh Nguyễn Tôn C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0034710 ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, Thành phố Hà Nội. Chị Vũ Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Tôn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA dân sự quận H;
- UBND phường V, quận H, thành phố Hà Nội;
(Đăng ký ngày 25/4/2003)
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lài